

TƯ TƯỞNG CỦA KỶ NA GIÁO VỚI ĐẠO ĐỨC TOÀN CẦU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu khái quát về đạo Jaina (Kỳ Na giáo, Jainism) một tôn giáo tối cổ ở Ấn Độ; tìm hiểu triết lý Ahimsa so sánh với tư tưởng đạo đức toàn cầu và vấn đề bảo vệ môi trường. Đây là điểm sáng có ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội trong thời đại ngày nay. Bài viết còn tìm hiểu sự quan tâm đối với Kỳ Na giáo trong tầng lớp tu sỹ và các học giả ở Việt Nam, cũng như nêu ra những sự tương đồng về đạo đức Kỳ Na giáo với đạo đức ứng xử của người Việt qua tục ngữ, ca dao trong dân gian Việt Nam.

Từ khóa: Kỳ Na giáo; tư tưởng; đạo đức; môi trường.

1. Sơ lược về Kỳ Na giáo (Jainism)

Ấn Độ là quốc gia có diện tích đứng thứ 7 trên thế giới, có dãy núi Hy-ma-lay-a cao hùng vĩ quanh năm tuyết phủ, đỉnh cao nhất là Kangchenunga cao 8.598 m, và sông Hằng dài 2.510 km; sông Bra-ma-pu-tơ-ra dài 2.900 km. Địa hình thượng sơn, trường giang, đại hải đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng triết học, đời sống tâm linh của cư dân Ấn Độ. Nơi đây đã là nôi của bốn tôn giáo nổi tiếng thế giới (Bà la môn giáo (Brahmanism), Phật giáo, đạo Sikh (Sikhism) và Kỳ Na giáo (Jainism, gọi khác là đạo Giaina¹). Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến Kỳ Na giáo, một tôn giáo có nhiều nét độc đáo riêng biệt, mà tư tưởng của nó đang còn ảnh hưởng đến thế giới hiện nay, đó là tư tưởng hòa bình, bất bạo động (Ahimsa) và bảo vệ môi trường. Kỳ Na giáo là tôn giáo cổ ở Ấn Độ, hoàn toàn độc lập, ra đời cũng ở bang Bihar phía Đông Bắc Ấn Độ, trước Phật

* Khoa Tổ chức và Xây dựng chính quyền, Đại học Nội vụ Hà Nội.

Ngày nhận bài: 06/7/2019; Ngày biên tập: 16/7/2019; Duyệt đăng: 25/7/2019.

giáo và không phải là chi phái, hay một nhánh tách ra từ Phật giáo như một số nhận định khác, ví dụ: “Trong thời kỳ dài với các học giả Tây phương, Kỳ Na giáo được coi là bắt nguồn từ Phật giáo. Giờ đây người ta công nhận rằng, đó là một nhầm lẫn và cả hai đều bắt nguồn từ Ấn giáo xưa cũ hơn”². Kỳ Na giáo ra đời khoảng thế kỷ VI Tr.CN, đó là lúc xã hội Ấn Độ cổ đại đã phân thành 4 đẳng cấp: đẳng cấp cao nhất là Bà La Môn (Brahman, nghĩa là Đấng Sáng tạo, đẳng Phạm Thiên). Theo *Kinh Veda* - cuốn kinh tối cổ của Ấn Độ, đẳng cấp Ba La Môn được sinh ra từ miệng đẳng Phạm Thiên; Đẳng cấp thứ hai là Sát Đế Lợi (Kshatriya), sinh ra từ tay; Đẳng cấp thứ ba là Phệ Xá (Vaisya), sinh ra từ bắp vế; Đẳng cấp thứ tư là Thủ Đà La (Sudra) sinh ra từ bàn chân. Bốn đẳng cấp này cùng có nguồn gốc từ người sơ khai và có mối liên hệ với thần linh, nhưng do sinh ra ở các vị trí cao thấp khác nhau, màu da khác nhau nên năng lực và địa vị cũng khác nhau. Bà La Môn sinh ra trước gần đầu hơn nên thông thái và có nghề giảng giải *Kinh Veda*, thực hiện tế lễ làm mối liên hệ với thần linh. Sát Đế Lợi sinh ra từ tay mạnh mẽ nhanh nhạy nên làm nhiệm vụ bảo vệ dân chúng, ngăn chặn trừng phạt kẻ ác, chiến đấu chống ngoại bang; Phệ Xá là người khéo léo nên chủ việc nuôi trồng, buôn bán, sản xuất ra mọi của cải cho xã hội; Thủ Đà La là người ngu đần, hạng người phục vụ cho các đẳng cấp trên, ngoài ra còn có hạng tiện dân cùng cực không được xếp hạng, không được công nhận vào bốn đẳng cấp trong xã hội. Địa vị của các đẳng cấp này ngoài việc được giảng giải, xưng tụng trong *Kinh Veda*, còn được ghi nhận trong *Luật Manu* của nhà nước cổ đại Ấn Độ. Bộ luật này do các giáo sĩ Bà La Môn tập hợp từ các tập quán, các nghi lễ, giáo điều tôn giáo của người Ấn Độ cổ.

Thuật ngữ Kỳ Na giáo có gốc *Ji* trong ngôn ngữ Sanskrit (ngôn ngữ Ấn Độ cổ) có nghĩa là chinh phục, chiến thắng được tham ái, dục vọng, dứt được những ràng buộc trần tục. Người chiến thắng mọi đam mê thể xác và đạt được sự thuần khiết của linh hồn gọi là *Jina*, các tín đồ theo Kỳ Na giáo được gọi là *Jaina* (viết tắt là *Jain*) có nghĩa là

những kẻ đi theo người chiến thắng, người đã khuất phục được kẻ thù nội tại và làm chủ được sự bất tịnh của tinh thần. Kinh Phật thường dùng chữ Ni KiềnTử (Niganthanataputta) để chỉ Kỳ Na giáo. Các vị thánh của Kỳ Na (Tirthankara) là người có những phương pháp tu tập đặc biệt để vượt qua khỏi sự ràng buộc, khổ đau, đạt được giải thoát. Họ được mệnh danh là người dẫn đường qua sông thời gian giữa hai bờ Luân hồi và Niết bàn.

Lịch sử Kỳ Na giáo ghi nhận 24 vị thánh (Tirthankara) đã sáng tạo và duy trì đạo, là người đã vượt qua được luân hồi sinh tử. Các vị thánh của Kỳ Na giáo theo cuốn *Các nền minh triết Đông phương*³ là:

- 1) Rishabaha (Chúa tể);
- 2) Ajita (Kẻ bắt khuất),
- 3) Sambhava (Nguyên sinh);
- 4) Abhinandana (Kính mừng);
- 5) Sumati (Minh trí);
- 6) Padmaprabha (Liên hoa quang huy);
- 7) Suparsva (Kiêu diễm);
- 8) Candrapraba (Nguyệt quang);
- 9) Suvidhi (Thiện quý);
- 10) Sitala (Bảo hàn phòng nhiệt);
- 11) Sreyansa (Hảo vọng);
- 12) Vasubuyja (Ưu mỹ);
- 13) Vimala (Thanh quang);
- 14) Ananta (Vô hạn);
- 15) Dhama (Điều pháp);
- 16) Santi (Tịch nhiên);
- 17) Kunthu (Bảo châu);
- 18) Ara (Nam hoa);

- 19) Malli (Bảo trì);
- 20) Munisuvrata (Thánh nguyện);
- 21) Nemi (Bảo luân);
- 22) Aristanemi (Bất hoại luân) ;
- 23) Parsva/ Parshvanatha (Truyền Pháp Luân);
- 24) Mahavira (Đại Hùng) - vị tổ thứ 24.

Thánh tổ Mahavira (Đại Hùng) (599 - 527 Tr.CN) là người sáng lập nên Kỳ Na giáo, tên thật là Nataputta Vardhamana. Mahavira là tôn hiệu của Kỳ Na giáo dùng để vinh danh Tổ khi ngài chiến thắng chính mình và đạt đến bậc toàn tri. Ngài sinh cùng thời và sinh trước Đức Phật một chút. Nataputta Vardhamana sinh ra trong gia đình giàu có thuộc đẳng cấp Sát Đế Lợi (Kshatriya) ở thành Vaisali Đông Bắc Ấn Độ. Một số tư liệu nói rằng, Nataputta Vardhamana là hoàng tử⁴ rất có hiếu, sau khi lấy vợ có con, rồi chờ cha mẹ qua đời, ngài mới đi tìm lối tu khổ hạnh rất ráo để vượt thoát cám dỗ trần tục, thực hành triết lý bất hại (Ahimsa) tuyệt đối để giải thoát linh hồn. Ngài chịu khổ hạnh và từ bỏ tất cả mọi tham luyến trần tục để cho linh hồn được thanh tẩy thuần khiết: “Ngài không ở lại hơn một đêm ở bất cứ nơi nào khi đi du hành. Vào mùa mưa, Ngài tránh xa đường lộ để khỏi đi vào những nơi có thể vô ý dẫm lên côn trùng. Vào mùa khô, Ngài quét đường trước khi đi để tránh đạp nát côn trùng. Ngài lọc tất cả nước uống để tránh nuốt phải những sinh vật có thể có trong nước”⁵. Ngài đã vượt thắng tất cả trở ngại bên ngoài như sự khinh bỉ, nhiếc mắng, bạo hành của bất cứ ai đối với ông, thắng được tất cả sự sợ hãi, giận dữ, tham lam, ham muốn của bản thân, tất cả những gì ràng buộc linh hồn con người vào vòng luân hồi. Ngài được các đệ tử tôn vinh là người chiến thắng và tin rằng Người đã đạt được giải thoát sau 12 năm khổ hạnh. Từ lúc 30 tuổi khi bắt đầu rời nhà, bước vào con đường Kỳ Na, Ngài đi giảng đạo cho môn đệ và tịch cốc đến chết lúc 72 tuổi tại Pata. Địa danh này trở thành diễm linh thiêng để các tín đồ Kỳ Na giáo hành hương.

Về tông phái, cho đến thế kỷ IV Tr.CN, tức khoảng 200 năm sau khi Đức Mahavira viên tịch, Kỳ Na giáo vẫn là một tôn giáo địa phương với các tu sĩ, cư sĩ sống trong vùng Đông Bắc Ấn Độ khu vực hạ lưu sông Hằng tại bang Bihar và chưa phân chia thành tông phái. Đến cuối thế kỷ IV, đầu thế kỷ III Tr.CN, vào những năm (321-297) số lượng tín đồ Kỳ Na giáo tăng lên nhanh do có sự gia nhập và ủng hộ của vua Chandragupta trị vì nước Ma Kiệt Đà, bang Magadha. Sử sách có ghi về vụ đói ở Bắc Ấn Độ khiến cho dân chúng và cả tu sỹ Kỳ Na giáo chia làm hai nhánh: một nhánh dời lên vùng Mysore phía Nam Ấn Độ tìm kiếm lương thực; một nhánh vẫn ở lại vùng Đông Bắc. Mười hai năm sau, khi các tín đồ miền Nam trở về thì các tín đồ miền Bắc đã có nhiều thay đổi, họ từ bỏ một số lối sống và tu hành cực đoan khổ hạnh, như chấp nhận mặc áo choàng đơn giản một màu trắng và từ đó được gọi là phái Svetambara “Bạch y”. Còn các tín đồ từ miền Nam vẫn theo truyền thống khổ hạnh xưa, vẫn lỏa thể, không bận vải. Họ được gọi là phái Digambaras (“Thiên y” (áo trời)). Cả hai nhánh phái này đều chấp nhận sự tồn tại của nhau: “Sau 12 năm ở Mysore, người lãnh đạo của các tu sỹ Kỳ Na từ miền Nam quay về Bihar và nhận thấy rằng cách hành đạo của hai cộng đồng đã khác biệt nhau đáng kể. Do vậy người ta quyết định rằng cách hành đạo của hai tông phái đều thực sự tồn tại. Sự phân chia này được chính thức hóa tại *Giáo nghị* diễn ra vào giữa thế kỷ V và vẫn tiếp diễn cho đến ngày nay”⁶.

2. Tinh thần Ahimsa với đạo đức toàn cầu và bảo vệ môi trường

Kỳ Na giáo ra đời chống lại tư tưởng xã hội đẳng cấp đương thời và chủ trương hủy bỏ sát sinh hiến tế của Bà La Môn giáo được xưng tụng trong *Kinh Veda*. Tinh thần Ahimsa của Kỳ Na giáo có nghĩa là “bất hại”, “bất tổn sinh” với mọi loài, có thể bắt nguồn từ quan niệm về linh hồn của vạn vật. Theo Kỳ Na giáo thì không những con người có linh hồn mà vạn vật cũng có linh hồn. Linh hồn ở bên trong con người và trong vạn vật. Vật chất và tinh thần

đều là các thực thể, và chúng đều có linh hồn: “... vật chất và tinh thần là những thực thể, hơn thế nữa, tất cả vật chất đều có linh hồn, con người không được làm phương hại đến vạn vật”⁷. Đây là một trong những quan niệm có thể giúp xã hội hiện đại trân trọng bảo vệ môi trường - người mẹ của tự nhiên, người mẹ của sự sống. Quan niệm về linh hồn có trong vạn vật cũng được Kỳ Na giáo khẳng định: “Đức Mahavira dạy rằng: “mọi sự đều có linh hồn bên trong nó. Không chỉ con người, loài vật, cỏ cây, mà ngay cả đá, đất và gió; không chỉ thực thể thường trực mà ngay cả các biến cố xảy ra trong thoáng chốc, hết thảy mọi sự vật ấy đều có linh hồn, được sinh ra ở bên trong mỗi cái, mà chừng nào sự vật ấy còn hiện hành thì linh hồn ấy vẫn còn sống”⁸. Tín đồ Kỳ Na giáo tin rằng, linh hồn là cao quý và có bản thể vĩnh cửu: “Phẩm tính cao nhất của các bản thể này là linh hồn (jiva). Tự thân linh hồn là hoàn hảo và vĩnh hằng, nhưng vì chịu ảnh hưởng của thế giới hiện tượng, linh hồn có thể gánh vác thể xác và được tái sinh thêm nhiều lần trong thế giới này dưới dạng thức các hữu thể trên trời, hoặc con người trần thế, hoặc các sinh vật khác, kể cả những hình thức đơn giản nhất”⁹. Do quan niệm về linh hồn như vậy nên tín đồ Kỳ Na giáo thực hiện nguyên tắc *Bất tổn sinh* (Ahimsa) không làm bất cứ điều gì có thể gây tổn thương đến sự sống. Một quan niệm nữa ảnh hưởng đến nguyên tắc bất tổn sinh là vấn đề về nghiệp. *Nghiệp* tiếng Sanskrit là *Karma*. Trong tiếng Pali, *Kamma* có nghĩa là hành động hay tạo tác ảnh hưởng đến cuộc sống cá nhân con người. Kỳ Na giáo cho là nghiệp tác động vào kiếp sống con người từ đời này sang đời khác: “chính nghiệp báo lèo lái vũ trụ chứ chẳng phải thần linh nào cả”¹⁰, từ đó phải tìm kiếm các biện pháp để thoát khỏi nghiệp đã gây ra nỗi khổ ở con người. Quan điểm của Đức Mahavira được tiếp tục thể hiện qua các đệ tử của Kỳ Na giáo, như: “Vị này dạy rằng do quá khứ làm ác nghiệp nên nay phải thực hành khổ hạnh để tiêu mòn các ác nghiệp quá khứ; lại nữa, hiện tại hành giả phải sống chế ngự thân, khẩu, ý để không tạo ác nghiệp trong tương lai. Như vậy, nhờ thiêu đốt

nghiệp quá khứ, nhờ không tạo nghiệp mới nên sẽ không có sự tiếp tục nghiệp trong tương lai; nhờ vậy mà các nghiệp được diệt trừ, mọi cảm thọ được diệt trừ và khổ đau được diệt trừ”¹¹. Nghiệp tạo ra từ thân, khẩu, ý, trong đó *thân* là hành vi, hành động gây tội lỗi của con người; *khẩu* là lời nói gian dối, kích động, xúc phạm; *ý* là tư tưởng, ý chí thúc đẩy hành động tội lỗi. Ba yếu tố này tạo ra thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Nếu thân, khẩu, ý luôn hướng thiện sẽ tạo nghiệp lành; nếu thân, khẩu, ý hướng ác sẽ tạo nghiệp dữ. Nghiệp sẽ tích góp, tích tụ hằng ngày và chi phối kiếp người luân hồi, đấp đổi, xuyên qua các kiếp. Trong ba yếu tố thì người Kỳ Na giáo chú trọng yếu tố thân vì cho rằng hành động là yếu tố chính quyết định đến nghiệp. Do đó, để tiêu diệt ác nghiệp trong quá khứ cũng như không tạo nghiệp dữ trong hiện tại, tín đồ Kỳ Na giáo đã thực hiện *Bát tởn sinh* một cách triệt để: “Những người tu theo Kỳ Na giáo cho rằng, nghiệp chính là do thân làm ác nghiệp xưa trước nên bây giờ cần phải tu hành ép xác khổ hạnh để diệt trừ nghiệp thân tiêu mòn”¹². Kỳ Na giáo đã thực hiện nguyên tắc *Bất hại* đối với mọi sinh linh, và nỗ lực thực hiện *bất bạo động*. Tư tưởng này phù hợp với quan niệm về hòa bình và *Đạo đức toàn cầu* của tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục của Liên Hiệp Quốc (UNESCO). Theo UNESCO thì *Đạo đức toàn cầu* là:

“Tập hợp các giá trị và nguyên tắc, là sự nhận thức của mọi công dân về quyền và trách nhiệm của mình, là đối thoại toàn cầu liên văn hóa, là sự tương tác của các đối tác, là nền giáo dục giới trẻ và nền văn hóa hòa bình, nhằm xác lập sự phát triển bền vững, dựa trên cơ sở quyền con người và công bằng xã hội”¹³.

Hòa bình là không có chiến tranh và để không có chiến tranh thì nhất định phải thiết lập quan hệ con người với con người không có bạo lực, bất bạo động, quan hệ con người với con người dựa trên sự hiểu biết và tình thương mà theo Kỳ Na giáo là *hiếu sinh bất sát*. Sự phát triển bền vững của con người đó là sự phát triển mà trong đó môi trường tự nhiên được bảo vệ gìn giữ ở sự đa dạng sinh học, với con người là một phần trong đó. Nếu quan niệm như vậy thì

chúng ta có thể thấy hạt nhân tích cực và gần gũi của Kỳ Na giáo. Chẳng hạn, thực hành Ahimsa tức là thiết lập quan hệ hòa bình, thiết lập quan hệ con người với con người mà không sử dụng bạo lực, gìn giữ mọi sinh linh trong thế giới tự nhiên:

“Bạo lực không chỉ làm đau đớn các sinh thể khác mà nó còn gây tai ương cho bản thân mình trong trần thế này và cả cho kiếp sau nữa. Hơn nữa phi bạo lực còn đem lại hạnh phúc và sự tôn kính. Điều đó có nghĩa là biểu hiện lòng nhân từ đối với các sinh thể khác, cảm thấy vui sướng khi các sinh linh đạo hạnh, thể hiện lòng từ bi đối với những khổ đau và lòng khoan dung đối với những sinh thể đau yếu. Con đường Kỳ Na giáo thực sự là con đường hoàn toàn phi bạo lực”¹⁴.

Tinh thần tôn trọng, bảo vệ mầm sống tự nhiên và trân quý môi trường của Ahimsa được thể hiện qua câu chuyện nổi tiếng về phép thử của Kỳ Na giáo: “Ngài rắc hoa tươi và hạt đang nảy mầm xuống sân lâu đài của mình sau đó mời mọi người đến dự lễ hội. Những ai không chú ý đến lời thề phi bạo lực thì bước lên hoa và hạt, còn những người đức hạnh thì từ chối không đến đó vì sẽ làm hại các sinh thể”¹⁵. Tư tưởng Ahimsa của Kỳ Na giáo phù hợp với xã hội hiện đại đang chứa đựng nhiều nguy cơ bất ổn.

“Kỳ Na giáo chủ trương “bất tổn sinh”, tức là các bậc chiến thắng và các tín đồ của họ không được làm tổn hại đến một ai hay một sinh vật nào cả. Những người tu theo Kỳ Na giáo cho rằng nghiệp chính là do thân làm ác nghiệp xưa trước nên bây giờ cần phải tu hành ép xác khổ hạnh để tiêu mòn, diệt trừ nghiệp thân. Nhưng dù gì đi nữa Kỳ Na giáo đã góp phần trong việc bảo vệ thiên nhiên qua việc không tàn hại thiên nhiên, không giết hại sinh linh hay không sát sinh, hại vật, giữ gìn môi trường sống cho nhân loại trên hành tinh này. Kỳ Na giáo đã phát triển thành một hệ thống văn hóa, có những cống hiến đáng kể cho luận lý học, triết học, nghệ thuật, kiến trúc, chiêm tinh, thiên văn học, toán học và văn học của văn minh Ấn Độ. Đây chính là điểm nổi bật của Kỳ Na giáo từ xưa cho đến ngày nay”¹⁶.

Trong thế giới đương đại khi các nguy cơ khủng bố và bạo lực cực đoan cũng như mối quan hệ con người bị chia cắt, xói mòn đều vì những lợi ích kinh tế, chính trị, lợi ích cá nhân, từ những tham đắm về hưởng thụ và sự tôn sùng quá đáng các giá trị vật chất và khả năng công nghệ... thì những lời cầu nguyện của các tín đồ Kỳ Na giáo giống như hồi chuông cảnh tỉnh, hay như con đập để ngăn chặn bạo lực và thức tỉnh đạo đức con người:

“Cầu thánh Jinendra ban cho hòa bình trên trái đất, cho đất nước, cho thành phố, cho bang và các nhà cai trị được mạnh khỏe, tôn trọng pháp luật, chính trực, cầu cho mưa thuận gió hòa, tất cả mọi tật bệnh đau đớn biến mất, cầu cho không một ai trên đời phải chịu đói khát, không phải khổ sở vì cướp bóc, bệnh dịch hay tàn phá, ngay trong lúc này cầu cho hòa bình đến với tất cả mọi người”¹⁷.

Tín đồ Kỳ Na giáo tin rằng bạo lực không chỉ làm cho sinh thể khác đau đớn, môi trường bị tàn hại, mà bạo lực còn gây ra tai ương, thậm chí cho chính người dùng bạo lực không chỉ ngay trong kiếp hiện tại mà còn gây mầm đau khổ cho các kiếp sau, vì vậy phi bạo lực là niềm hạnh phúc cho mọi loài cả hiện tại và tương lai.

3. Một số điểm tương đồng giữa Kỳ Na giáo và văn hóa, tín ngưỡng Việt Nam

Kỳ Na giáo có sức sống bền bỉ cho đến hiện nay, nhưng số lượng tín đồ rất khiêm tốn, tập trung chủ yếu ở Ấn Độ, và một nhóm tín đồ Kỳ Na giáo người Ấn đã di cư sang các nước: Mỹ, Đông Phi, Anh, nhưng ngày càng hiếm người Ấn gia nhập Kỳ Na giáo. Năm 1998 trên thế giới có khoảng 3,7 triệu tín đồ Kỳ Na giáo¹⁸. Theo Ngô Văn Doanh thì hiện nay tín đồ Kỳ Na giáo ở Ấn Độ khoảng 2 triệu¹⁹.

Ở Việt Nam cũng chưa có tài liệu hay khảo cổ về sự xuất hiện của Kỳ Na giáo tại Việt Nam, nhưng bài viết này cố gắng tìm hiểu ảnh hưởng của Kỳ Na giáo qua các nghiên cứu của một số học giả về Kỳ Na giáo và một số suy ngẫm về những điểm tương đồng giữa Kỳ Na giáo với văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam.

Như ở phần trên bài viết đã đề cập là nhiều giáo lý và sinh hoạt của Kỳ Na giáo gần với Phật giáo, do đó một số tu sỹ Phật giáo đã chú ý nghiên cứu Kỳ Na giáo để thấy điểm giống và khác nhau giữa hai tôn giáo này. Điển hình là Đại đức Thích Giác Hiệp đã trình bày tương đối khái quát về lịch sử, triết lý và tinh thần hiểu sinh, bất sát của Kỳ Na giáo trong *Đề cương bài giảng về Kỳ Na giáo* được đưa lên trang *Thư viện hoa sen* vào ngày 27/9/2008²⁰. Tác giả Nguyễn Ước, trong cuốn *Đại cương triết học Đông phương* đã dành chương thứ 4 để giới thiệu về tôn giáo này. Tác giả đã so sánh triết lý của Kỳ Na giáo với Phật giáo và Ấn Độ giáo, trong đó phân tích rõ những điểm đồng, dị của ba tôn giáo và khẳng định tinh thần Ahimsa của Kỳ Na giáo.

Kỳ Na giáo còn được giới thiệu ở Việt Nam thông qua các tác phẩm dịch từ nước ngoài, đó là cuốn *Văn hóa và tôn giáo phương Đông* của Theodore M. Ludwig (2000) do Dương Ngọc Dũng, Nguyễn Chí Hoan, Hà Hữu Nga dịch, với nhà xuất bản Văn hóa thông tin Hà Nội, Việt Nam. Các tác giả đã giới thiệu Kỳ Na giáo là tôn giáo không tin có quyền năng thần thánh từ bên ngoài có thể giúp đỡ linh hồn tín đồ, họ cũng không chấp nhận Đấng Sáng tạo tối thượng. Điều mà tín đồ Kỳ Na giáo tin tưởng là linh hồn có thể giải thoát nếu họ thực hiện đúng theo các giới luật và tinh thần Ahimsa cao nhất. Những người được Kỳ Na giáo thờ phụng chính là người Chiến Thắng được nghiệp lực, tự giữ được giới luật cực kỳ khắt khe, khổ hạnh. Phan Quang Định đã dịch sang Việt ngữ cuốn *Minh triết Đông phương* của Michael Jordan do nhà xuất bản Mỹ thuật ấn hành tại Hà Nội, Việt Nam, năm 2004, để giới thiệu với độc giả Việt Nam hai tư (24) vị thánh huyền thoại của Kỳ Na giáo, nhất là vị thánh Mahavira thứ 24, đồng thời nói đến ảnh hưởng của Kỳ Na giáo tới các nước ngoài Ấn Độ như Đông Phi, Kenya, Nairobi, Mombasa. Phạm Văn Liễn cũng chuyển ngữ sang tiếng Việt cuốn *Các tôn giáo lớn trên thế giới* của hai tác giả Lewis Mhoppe và Mark Woodward, được nhà xuất bản Thời đại, Hà Nội, ấn hành năm 2011, đã đề cập đến năm hạnh nguyện của tín đồ Kỳ Na giáo, đó là: *Một là* nguyện không làm

tồn hại sự sống (Ahimsa); *Hai* là luôn nói thật; *Ba* là không lấy bất cứ cái gì mà không được ai cho; *Bốn* là từ bỏ lạc thú giới tính; *Năm* là từ bỏ mọi quyền luyến. Hoàng Tâm Xuyên, chủ biên cuốn *Mười tôn giáo lớn trên thế giới* (Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật) cũng giới thiệu khá kỹ về Kỳ Na giáo với những giáo lý tu hành và quan niệm giải thoát của Kỳ Na giáo. Như thế ở Việt Nam, Kỳ Na giáo đã được nghiên cứu nhưng với tư cách là những người ngoại đạo, còn trên thực tế, Kỳ Na giáo hầu như không có mặt tại Việt Nam.

Khi tìm hiểu Kỳ Na giáo, chúng tôi thấy có sự tương đồng ở mức độ nhất định về đạo đức của người Việt Nam với giáo lý Kỳ Na giáo. Tư tưởng hiếu sinh bất sát mà trước hết là tình thương yêu con người, đồng loại trở thành đạo đức thành lễ sống của người Việt Nam được truyền dạy qua tục ngữ, thành ngữ: “Thương người như thể thương thân”; “Cứu được một người phúc đặng hà sa”; “Dẫu xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”; “Sát nhân giả tử, thiện đạo chí công”... Tình yêu thương con người của dân tộc Việt Nam được thể hiện sâu sắc nhất khi đặt trong tình huống chiến tranh, lòng hận thù và tính hiếu sát bốc lên ngàn ngạt thì người Việt vẫn bao dung thiết tha với sinh mạng con người cho dù đó là kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh dù cho quân địch gây tội ác, mà “trúc Nam Sơn không ghi hết tội, nước Đông Hải không rửa hết thù”, nhưng vua tôi Đại Việt vẫn tha chết cho hàng ngàn quân giặc và còn cấp ngựa xe, lương thực cho về nước đúng với tinh thần hiếu sinh bất sát:

“Đến như thần võ không giết,
Đức lớn hiếu sinh,
Nghĩ về kẻ lâu dài của nhà nước,
Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh,
Sửa hòa hiếu cho hai nước,
Tắt muôn đời chiến tranh
Chi cần vẹn đất, cốt sao an ninh”²¹.

Tư tưởng của Kỳ Na giáo quan niệm không chỉ con người, động vật mà cả đất cát, cây cối, gió nước cũng có linh hồn, vì vậy con người cũng phải tôn trọng, bảo vệ tất cả. Đối với người Việt, trong tín ngưỡng thờ Mẫu có thờ tam tòa thánh Mẫu là Mẫu Thượng ngàn (rừng, núi), Mẫu Thoải (nước), Mẫu Địa (đất) được coi là người mẹ tự nhiên bao bọc, che chở nuôi dưỡng cho con dân người Việt nên được thờ phụng, tôn kính. Mẹ tự nhiên trong tín ngưỡng của người Việt chính là môi trường sống, đó là mẹ Trời, mẹ Đất, mẹ Nước, mẹ Rừng núi,... bao trùm đời sống, bảo vệ sự sống và mang đến cho con người điều kiện sống. Tín ngưỡng thờ Mẫu xuất phát từ văn hóa lúa nước của các cư dân nông nghiệp nhưng có nhiều điểm tương đồng với tư tưởng của Kỳ Na giáo về tôn trọng giới tự nhiên và rất phù hợp với quan niệm về đạo đức môi trường trong thế giới hiện đại: “Đạo đức môi trường là tổng hợp các quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình với môi trường sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với sự tiến bộ xã hội và với sự phát triển môi trường một cách bền vững, thể hiện sự tôn trọng của con người đối với môi trường”²². Điều này là một trong những lý do mà thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Hạnh nguyện thứ hai của Kỳ Na giáo về sự thành thực cũng rất tương đồng với đúc kết về đạo đức trong nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao của người Việt Nam, ví dụ: “Ăn ngay nói thật mọi tật mọi lành”; “Một câu nói ngay bằng ăn chay cả tháng”; “Thật thà ma vật không chết”; “Thật thà là cha quý quái, quẻ quái còn phải sợ thật thà”, hay “Người gian thì sợ người ngay - Người ngay chẳng sợ đường cày cong queo”; “Những người tính nết thật thà - Đi đâu cũng được người ta tin dùng”, v.v...

Quan niệm về sự ngay thẳng trong đạo đức của người Việt Nam được đánh giá rất cao, tính tình trung thực, lời nói chân thực là cơ sở tạo ra niềm tin, và niềm tin là cốt lõi trong việc xây dựng mối quan hệ con người tốt đẹp, mối quan hệ tin tưởng hiểu biết lẫn nhau không có nghi

ky, nghề vực sẽ góp phần xóa bỏ bạo lực trong mối quan hệ con người, tạo ra hòa bình và hợp tác. Một trong những tiêu chí để đánh giá sự hạnh phúc của con người theo Liên Hợp Quốc là sự trung thực của các công dân. Như thế với các tư tưởng, hiếu sinh, bất sát, sự yêu quý sự sống, bảo vệ môi trường, đạo đức trung thực của Kỳ Na giáo không những là điểm sáng của tôn giáo này mà còn là điểm chung tương đồng với đạo đức toàn cầu giữa quan hệ con người ở các dân tộc, đạo đức môi trường trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên, 2018), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
- 2 Theo Annie Beant (2011), *Kỳ Na giáo*, do Chon Như dịch, Link: www.thongthienhoc-ky-na-giao.com.
- 3 Michael Jordan (2004), *Minh triết Đông phương*, Phan Quang Định dịch, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội.
- 4 Theodore M.ludwig (2000), *Những con đường tâm linh phương Đông*, Dương Ngọc Dũng, Nguyễn Chí Hoan, Hà hữu Nga dịch, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 431.
- 5 Lewis. Mhoppe, Mark Wood Ward (2011), *Các tôn giáo lớn trên thế giới*, Phạm Văn Liên dịch, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 199.
- 6 Michael Jordan, *Minh triết Đông phương*, Phan Quang Định dịch, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2004, tr. 144.
- 7 Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên, 2018), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 183.
- 8 Nguyễn Ước (2009), *Đại cương triết học Đông phương*, Nxb. Trí thức, Hà Nội, tr. 170.
- 9 Nguyễn Ước (2009), *Sđđ*, tr. 171.
- 10 Nguyễn Ước (2009), *Sđđ*, tr.172.
- 11 Thích Quảng Lực. Hoàng pháp online. *Quan điểm về nghiệp: Điểm khác nhau giữa Kỳ-na giáo và Phật giáo học*. Thứ Tư, 11/01/2017, 07:05.
- 12 Thích Quảng Lực. Hoàng pháp online. *Quan điểm về nghiệp...*, Tlđđ.
- 13 Ban Chấp hành WFUCA trong phiên họp thường niên số 33 ngày 21-24 tháng Tám năm 2013 tại Astana.
- 14 Theodore M.Ludwig (2000), *Những con đường tâm linh phương Đông*, phần I, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 447.
- 15 Theodore M.Ludwig (2000), *Sđđ*, tr. 445.
- 16 Thích Quảng Lực (2017). Hoàng pháp online. *Quan điểm về nghiệp: Điểm khác nhau giữa Kỳ-na giáo và Phật giáo học*.
- 17 Theodore M. Ludwig (2000), *Sđđ*, tr. 440.
- 18 Lewis. Mhoppe, Mark WoodWard (2011), *Các tôn giáo lớn trên thế giới*, Phạm Văn Liên dịch, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 209.
- 19 Ngô Văn Doanh, *Đạo Jainai - Tôn giáo khổ hạnh và hiếu sinh của người Ấn Độ*. <http://www.bachkhoatrithuc.vn/>
- 20 <https://thuvienhoasen.org/a9471/de-cuong-bai-giang-ky-na-giao-jainism-dai-duc-ts-thich-giac-hiep>

- 21 Đào Duy Anh (1976), Phú núi Chí Linh, trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 22 Vũ Dũng (2011), *Đạo đức môi trường ở nước ta - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 60.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Annie Beant (2011), *Kỳ Na giáo*, Chơn Như dịch. Link: www.thong thienhoc-Ky na giáo.
2. Đào Duy Anh (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
3. Thiodore M.ludwig (2000), *Những con đường tâm linh phương Đông*, Dương Ngọc Dũng, Nguyễn Chí Hoan, Hà hữu Nga dịch, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
4. Michael Jordan (2004), *Minh triết Đông phương*, Phan Quang Định dịch, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Ngô Văn Doanh, *Đạo Jaina - Tôn giáo khổ hạnh và hiếu sinh của người Ấn Độ*. <http://www.bachkhoatrithuc.vn>
6. Lewis Mhoppe, Mark Woodward (2011), *Các tôn giáo lớn trên thế giới*, Phạm Văn Liên dịch, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
7. Nguyễn Ước (2009), *Đại cương triết học Đông phương*, Nxb. Trí thức, Hà Nội.
8. Thích Quảng Lực (2017), Hoàng pháp online. *Quan điểm về nghiệp: Điểm khác nhau giữa Kỳ-na giáo và Phật giáo học*.
9. Phạm Khiêm Ích (2016), “Đạo đức toàn cầu vì sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới” trong *Kỷ yếu: Hòa bình thế giới trong mỗi bàn tay chúng ta*, Hội thảo quốc tế của Liên hiệp các hội UNESCO tại Hà Nội ngày 17/12/2016.
10. Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên, 2018), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Abstract

JAINISM’S THOUGHT WITH THE GLOBAL ETHICS AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

Nguyen Tat Dat

*Faculty of Building and Organizing State Power
Hanoi University of Home Affairs*

The article introduces an overview of Jainism (in Vietnamese: Kỳ Na giáo) the earliest religion in ancient India; and study the philosophical doctrine of *Ahimsa* in comaring with global morality and the issue of environmental conservation. This is a prominent doctrine which impacts on the development of society nowadays. The article also explores the Vietnamese monks’ and scholars’ attention on Jainism, as well as proposes the similarities in the moral of Jainism with the Vietnamese people’s behaviour through Vietnamese proverbs and folklore.

Keywords: Jainism; ethics; environment.